

Bản án số: 79/2023/HS-PT
Ngày: 21 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh

Ông Lê Viết Phong

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:**
Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 78/TLPT-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Lê Văn H

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2023/HS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn H; Sinh năm 1988; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (*học vấn*): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ngọc P, sinh năm 1961 và bà Lê Thị L, sinh năm 1962; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hương G – Sinh năm 1987 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 10 năm 2022 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Xuân Đ là chủ quán K tọa lạc tại khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Tháng 01/2022 ông Đ thuê bị cáo Lê Văn H làm nhân viên quản lý, điều hành quán Karaoke và thuê ông Phạm Văn N làm nhân viên thu ngân, ông Liễu Văn T (*không rõ nhân thân, lai lịch*), ông Huỳnh Đức M, ông Dương Văn Đ1 và ông Nguyễn Anh T1 làm nhân viên giao phòng, phục vụ khách đến hát Karaoke.

Khoảng 11 giờ ngày 05/10/2022 bị cáo Nguyễn Văn C đang ở nhà tại khu phố T, phường T, thành phố Đ, bị cáo C gọi điện qua messenger cho một người tên L1 (*không rõ nhân thân, lai lịch*) hỏi mua nửa hộp năm ma túy khay thì L1 đồng ý bán với giá 3.000.000 đồng, L1 hẹn bị cáo C giao dịch ma túy tại khu vực chợ Đ2. Bị cáo C điều khiển xe máy hiệu Ware RSX biển số 61F1-271.58 đến chợ Đ2 địa điểm đã hẹn. Tại đây L1 đưa cho bị cáo C 01 bọc ma túy khay, bị cáo C đưa cho L1 số tiền 3.000.000 đồng, sau khi mua được ma túy bị cáo C cất giấu vào trong túi quần bên trái rồi đi về nhà.

Đến 19 giờ cùng ngày có ông Đinh Văn P1 gọi điện rủ bị cáo C đến quán “Dú Nàng” tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để nhậu thì bị cáo C đồng ý và điều khiển xe máy hiệu Ware RSX biển số 61F1-271.58, mang theo bọc ma túy khay vừa mua đến quán nhậu, tại quán nhậu có ông Đinh Văn P1, bà Bùi Huỳnh N1, bà Lương Thúy V, sau đó ông P1 gọi điện thoại rủ bị cáo Nông Đại T2 đến nhậu cùng. Đến 21 giờ cùng ngày, P1 tính tiền nhậu rồi rủ cả nhóm đi hát tại quán K. Đến quán bị cáo T2 vào quầy lễ tân lấy phòng hát thì ông Phạm Văn N nói phòng 206 và ông Liễu Văn T dẫn bị cáo T2, bị cáo C, ông P1, bà N1 và bà V vào phòng, khi đến trước cửa phòng 206 thì bị cáo Nông Đại T2 nói ông T lấy cho bị cáo T2 phòng bay lắc (*phòng sử dụng ma túy*) thì ông T dẫn bị cáo T2 đến phòng 208, sau đó ông T đi ra quầy lễ tân lấy 05 chai nước suối và 05 lon coca nói ông Nam nhập (*tính tiền*) vào phòng 208 cho khách. Bị cáo Lê Văn H quản lý quán Karaoke hỏi ông T là “bay à” thì T nói ừ, bị cáo H đi qua ngang phòng 208 thì thấy khách trong phòng mở nhạc sàn và nhảy, không hát thì bị cáo H biết là những người này đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bay lắc nhưng bị cáo H không nói gì và tiếp tục công việc.

Khi đang hát thì ông P1 đưa cho bị cáo T2 500.000 đồng để góp trả tiền phòng hát Karaoke. Một lúc sau bị cáo T2 nói bị cáo C “lấy hai chấm vào chơi đi”, bị cáo C hiểu ý của bị cáo T2 là đi mua hai chấm ma túy khay để sử dụng ma túy bay lắc thì bị cáo C nói với bị cáo T2 là “lấy nửa hộp luôn đi tiền nong anh em mình chia lại sau” thì bị cáo T2 đồng ý, bị cáo T2 đưa cho bị cáo C 1.000.000 đồng để góp tiền mua ma túy, bị cáo C cầm lấy tiền rồi đi ra ngoài, sau đó quay lại đưa bọc ma túy cất giấu trước đó trong túi quần cho bị cáo T2, bị

cáo T2 gọi nhân viên của quán Karaoke lấy 01 đĩa sứ và một cuộn giấy vệ sinh, mượn của bà N1 01 thẻ nhựa màu xanh loại thẻ ngân hàng rồi vào trong nhà vệ sinh của phòng hát, bị cáo T2 trích một ít ma túy đổ ra đĩa sứ, dùng quét ga đốt nóng, lấy thẻ nhựa kẻ ma túy thành nhiều đường nhỏ, lấy trong ví của bị cáo T2 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng quấn lại làm ống hút, bị cáo T2 mang đĩa sứ đã xào và kẻ ma túy khay thành từng đường để lên bàn trong phòng để bị cáo C, bị cáo T2, ông P1, bà N1 cùng nhau sử dụng ma túy, bà V không sử dụng, số ma túy còn lại bị cáo T2 đưa cho bị cáo C để vào rổ nhựa trên bàn. Khi đang sử dụng ma túy thì bị cáo T2 gọi điện rủ ông Sơn Thanh P2 đến hát karaoke, bị cáo C gọi điện cho L2 (*không rõ nhân thân, lai lịch*) nhờ L2 gọi gái điu bay thì L2 đồng ý và gọi bà Nguyễn Thị H1 đến điu bay cho bị cáo C. Một lúc sau thì ông Sơn Thanh P2 đến ngồi hát karaoke nhưng không sử dụng ma túy, H1 đến hát Karaoke cùng bị cáo T2, bị cáo C sử dụng ma túy.

Đến 23 giờ 10 phút, thì bị cáo H đến trước cửa phòng 208 và mở cửa nhìn thấy bên trong có 07 khách đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bay lắc, bị cáo H đóng cửa lại và đi ra ngoài vì chưa đến giờ thông báo cho khách nghỉ, thường khi để cho khách sử dụng trái phép chất ma túy bay lắc tại quán Karaoke thì bị cáo H sẽ được khách cho từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Đến 23 giờ 20 cùng ngày lực lượng Công an tỉnh B phối hợp Công an thành phố Đ và Công an phường T kiểm tra hành chính phòng 208 phát hiện dưới nền trong phòng có 01 đĩa sứ màu trắng, trên đĩa có chất bột màu trắng, trên rổ nhựa trên bàn có 01 bọc nylon, bên trong chứa tinh thể màu trắng. Bị cáo C và T2 khai nhận tinh thể màu trắng là ma túy tổng hợp dạng khay của bị cáo C và T2 góp tiền mua để sử dụng thì lực lượng công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật đối với bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Nông Đại T2 và bị cáo Lê Văn H.

Tại kết luận giám định số 231/2022/KL (MT) - ĐTTH ngày 12/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Chất bột màu trắng (Ký hiệu M1) có trong 01 gói giấy được niêm phong gửi giám định là ma túy loại Ketamine, có khối lượng 0,3672 gam.

Tinh thể màu trắng (Ký hiệu M2) có trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy loại Ketamine, có khối lượng 0,7056 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2023/HS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.
Xử phạt bị cáo Lê Văn H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2023 bị cáo Lê Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo cho bị cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tại cấp sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo cung cấp giấy khai sinh của con bị cáo tên Lê Anh H2, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2022 thể hiện bị cáo đang có con nhỏ và bị cáo là lao động chính trong gia đình. Xét thấy cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Vì vậy, áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 8 (tám) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2023/HS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn H được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản kết luận điều tra, bản Cáo Trạng và nội dung bản án sơ thẩm đã nhận định. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Lê Văn H là nhân viên quản lý quán K biết và đồng ý cho bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Nông Đại T2, ông Đinh Văn P1, bà Bùi Huỳnh N1 và bà Nguyễn Thị H1 tổ chức sử dụng trái phép ma túy tại phòng 208 của quán K do mình quản lý thì bị Lực lượng Công an bắt quả tang, cùng tang vật, thu giữ là 1,0728 gam ma túy loại Ketamine. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Lê Văn H về tội “Chứa chấp việc sử

dùng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình điều tra, bị cáo Lê Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội nên cấp sơ thẩm nhận định bị cáo không thành khẩn không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đã tuyên xử bị cáo 08 năm 06 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như bản Cáo trạng đã nêu, đồng thời bị cáo cung cấp giấy khai sinh của con bị cáo tên Lê Anh H2, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2022 thể hiện bị cáo đang có con nhỏ và bị cáo là lao động chính trong gia đình.

[4] Do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ nên cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Cần sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2023/HS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn H

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2022/HS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo H:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50; 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2022.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn H không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Đ;
- Cơ quan THAHS thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ nghiệp vụ; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga